TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS - PT
Ngày 13 tháng 02 năm 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thA gồm có:

ThA phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị T Huyền

Các ThA phán: Ông Nguyễn T S;

Bà Điêu Thị Bích Lượt.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử phúc thA công khai vụ án Dân sự phúc thA thụ lý số: 77/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thA số: 08/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thA số: 02/2023/QĐXX - PT ngày 03 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết K, S năm 1958; Địa chỉ: Khu 10, xã P, huyện P, tỉnh P.

Bị đơn: Ông Phạm Văn C, S năm 1958; địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

- UBND huyện P, tỉnh P. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến S – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi T huyện P

- UBND xã P, huyện P, tỉnh P. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H – Chức vụ: Công chức địa chính xã P.

- Bà Nguyễn Thị T, S năm 1964; địa chỉ: Khu 10, xã P, huyện P, tỉnh P. *Người đại diện theo ủy quyền của bà T*: Ông Nguyễn Viết K, S năm 1958; Địa chỉ: Khu 10, xã P, tỉnh P

- Ông Phạm Đức S, S năm 1954; địa chỉ: Khu Núi Trang, thị trấn P, huyện P, tỉnh P

- Ông Phạm T, S năm 1940; địa chỉ: P305 C14 tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, quận Đ, thành phố H.

- Bà Phạm Thị C, S năm 1943; địa chỉ: Số 5, nghách 105/42, phố Xuân La, phường X, quận B, thành phố H.

- Bà Phạm Thị T, S năm 1949; trú tại: Tổ 58B, khu 6C, phường N, thành phố V, tỉnh P.

- Bà Phạm Thị H, S năm 1960; trú tại: Khu 13, phường G, thành phố V, tỉnh P.

- Ông Phạm Xuân Đ, S năm 1963; trú tại: Số 638 đường Chi Lăng, khu Núi Trang, thị trấn P, huyện P, tỉnh P

- Ông Phạm Văn K, S năm 1967; trú tại: Khu 10, xã P, huyện P, tỉnh P

- Ông Phạm Ngọc N, S năm 1969;trú tại: Khu 10, xã P, huyện P, tỉnh P

Đại diện theo ủy quyền của ông T, bà C, bà T, bà H, ông Đ, ông K, ông N: Ông Phạm Đức S, S năm 1954; địa chỉ: Khu Núi Trang, thị trấn P, huyện P, tỉnh P

- Bà Phạm Thị Hoài T , S năm 1972; trú tại: Khu 2, xã Trung Giáp, huyện P, tỉnh P

- Anh Phạm Việt Cg, S năm 1986; trú tại: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P

- Chị Phạm Thị Thúy H, S năm 1991; trú tại: Khu 1, xã P, huyện P, tỉnh P

Đại diện theo ủy quyền của bà T , anh Cg, chị H: Ông Phạm Văn C, S năm 1958; địa chỉ: Khu 5, xã P, huyện P, tỉnh P.

(Ông K, ông C, ông S có mặt; ông S, bà H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Viết K và người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Nguyễn Thị T (Vợ ông K, do ông K là đại diện theo ủy quyền) thống nhất trình bày:*Trước năm 1990, vợ chồng ông S sống cùng bố mẹ tại xã H, huyện P, chưa được nhà nước giao đất. Đến năm 1990, gia đình ông chuyển về S sống tại xã P, huyện P thì được Nhà nước giao đất trong đó có thửa đất số 503, tờ bản đồ số 14, diện tích 300m^2, loại đất đồi màu tại khu 10 xã P, huyện P, tỉnh P. Năm 1996 Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện P (Nay là UBND huyện P) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông với thửa đất trên. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông không phải tài sản chung của hộ gia đình vì lúc giao đất các con ông còn nhỏ. Vợ chồng ông canh tác liên tục đối với thửa đất và nộp sản theo quy định, đến năm 2013 do neo người không canh tác và có cho vợ chồng anh T Nngười cùng khu mượn đất.

Thời điểm nhận đất ông được biết trước đó có một số hộ khai hoang trên đất nhưng không biết cụ thể là ai. Khi nhận đất ông đã thấy có 02 nấm mộ nhỏ nằm ở góc nhưng không biết là của gia đình nào. Do 02 ngôi mộ này có trước khi ông được giao đất nên ông mặc nhiên để lại, không yêu cầu di dời. Năm 2016 ông đến kiểm tra và thấy xuất hiện thêm 03 ngôi mộ mới, 01 cây hương và tường xây xung quanh thành khu mộ khoảng hơn 100m^2. Sau khi tìm hiểu ông biết toàn bộ các ngôi mộ và công trình trên đất là do gia đình ông Phạm Văn C xây dựng. Ông đã yêu cầu tháo dỡ di dời mộ và công trình nhưng ông C không đồng ý.

Đối với 05 ngôi mộ trên đất thì chỉ có 01 phần mộ của vợ ông C còn lại là phần mộ của ông bà nội, bố mẹ ông C nhưng ông chỉ khởi kiện ông C, không khởi kiện những người cùng có N vụ thờ cúng các phần mộ trên đất vì ông C là người đứng ra xây dựng và ông chỉ biết ông C. Đến nay, ông đề nghị Tòa án buộc ông C phải di dời 03 ngôi mộ mới đặt, 01 cây hương, toàn bộ tường bao quanh trên tổng diện tích 104,2m^2 để trả lại đất cho ông. Đối với 02 ngôi mộ đã có trước khi giao đất thì ông đồng ý để nguyên, không yêu cầu ông C phải di dời.

Bị đơn ông Phạm Văn C và những người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Phạm Thị Hoài T , anh Phạm Việt Cg, chị Phạm Thị Thúy H (Do ông C là đại diện theo ủy quyền) thống nhất trình bày: Khoảng năm 1960, bố mẹ vợ ông là cụ Nguyễn Ngọc L (Liệt sĩ) và cụ Đ Thị Đ khai hoang và canh tác toàn bộ khu đất đồi, trong đó có phần đất sau này giao cho ông K. Năm 1982, ông nội ông là cụ Phạm Văn L chết, đến năm 1987 gia đình ông có kế hoạch xây N trang cho gia đình để cải táng các cụ nên bố đẻ ông là cụ Phạm Văn A xin cụ Đ một phần đất để xây dựng N trang gia đình. Được sự đồng ý của cụ Đ, gia đình ông đã đưa phần mộ của cụ L và cụ Q (Ông bà nội của ông) về an táng trên khu đất tại vị trí T ộc phần góc của thửa 503 nhà nước giao cho ông K. Quá trình đưa mộ 02 cụ về an táng tại đây không thấy ai có ý kiến gì, kể cả ông K.

Năm 2006 cụ A chết, đến năm 2011 thì cải táng và đưa phần mộ của cụ A, cụ D và an táng sát cạnh 02 phần mộ của cụ L và cụ Qnh. Đầu năm 2003, vợ ông là bà Nguyễn Thị Q không may bị tai nạn chết và đến năm 2012 sau khi cải táng thì ông đưa phần mộ bà Q về khu N trang và tiến hành xây dựng tường rào bao quanh thành khu N trang của gia đình. Khi đưa mộ bà Q về thửa đất, ông thấy phần đất phía dưới có trồng sắn, sau khi tìm hiểu thì biết đó là sắn của nhà ông K nên đã đến trao đổi đề nghị T hoạch sắn để gia đình ông xây dựng N trang gia đình và đề nghị ông K nới rộng 1-2 rãnh sắn thì gia đình ông K vui vẻ đồng ý. Lúc này quan hệ giữa hai bên rất tốt do ông K đang vay tiền của ông, ông K cũng không yêu cầu ông phải bồi thường số hoa màu trên đất bị phá bỏ.

Quá trình xây dựng mộ và xây tường bao quanh cho đến khi hoàn thiện rất T ận lợi, được sự trợ giúp của bà con làng xóm, không có bất kỳ sự cản trở nào từ gia đình

ông K hay chính quyền địa phương. Đến khi gia đình ông cần tiền có đến đòi ông K không trả thì quan hệ giữa hai bên xấu đi nên có thể vì thế mà ông K khởi kiện để đòi lại đất.

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông K vì thửa đất này có nguồn gốc của mẹ vợ ông khai hoang, sau đó vợ chồng ông canh tác sử dụng đặt mộ ông bà nội. Khi nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996, chính quyền địa phương không thông báo cho ông biết để ông đi kê khai, cũng không thông báo ông K là người được giao sử dụng thửa đất này. Như vậy, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chặt chẽ, có sai sót vì ông là người trực tiếp sử dụng thửa đất lại không được kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, sau này ông xây N trang, mở rộng rãnh sắn được thực hiện công khai, gia đình ông K đều biết và nhân dân khu 10 còn tham gia giúp đỡ hoàn thiện khu N trang.

Tại phiên tòa phúc thA, ông C xác định ngoài ông thì không có ai khác đưa toàn bộ các phần mộ về đặt tại thửa đất đang tranh chấp này. Mặc dù trong dòng họ ông S là người có trách nhiệm thờ cúng nhưng từ trước đến nay việc chăm sóc, trông nom mộ là do ông thực hiện. Sau khi đến Tòa án làm việc ông đã hiểu rõ việc nhà nước cấp đất cho ông K là đúng quy định, ông không kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là lỗi do ông. Ông đề nghị ông K tiếp tục cho ông đặt các phần mộ trong khuôn viên đã xây dựng, có diện tích mà Tòa án đo đạc là 104,2m^2 và sẽ thanh toán tiền cho ông K.

Sở dĩ ông đề nghị như vậy là do hiện nay gần như toàn bộ thửa đất đang tranh chấp ông K đã đổi hoặc chuyển nhượng cho 03 gia đình khác, họ đều đã đặt mộ và xây dựng thành các khu N trang, có khuôn viên riêng biệt, trong đó khu mộ nhà ông nằm trong cùng. Việc tâm linh rất quan trọng đối với các gia đình, mồ mả nhà ông tồn tại trên đất đã rất lâu thì đề nghị ông K tạo điều kiện cho ông tiếp tục đặt mộ cho mồ yên, mả đẹp. Ba gia đình kia ông K không khởi kiện mà lại kiện gia đình ông để bắt đào mộ đi thì đây là hiềm khích cá nhân.

Nay ông K chỉ khởi kiện ông và tất cả các anh em trong họ đều xác định do mẹ vợ ông cho đất nên mới đưa phần mộ về quy tập tại đây nên thống nhất ông là người đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất đang tranh chấp và có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền cho ông K. Việc này ông hoàn toàn nhất trí và tự nguyện thực hiện.

Ông Phạm Đức S và người có quyền lợi, N vụ liên quan là ông Phạm T, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị H, ông Phạm Xuân Đ, ông Phạm Văn K, ông Phạm Ngọc N (Do ông S là đại diện theo ủy quyền) thống nhất trình bày: Ông S là con trai trưởng của cụ A và cụ D, là anh trai của ông C còn ông T, bà C, bà T là con của cụ L và cụ Q; bà H, ông Đ, ông K, ông N là con của cụ A, cụ D. Ông xác nhận lời trình bày của ông C là đúng. Hiện nay ông là con trai trưởng có N vụ trông nom nhà thờ, thờ cúng, các con cháu trong họ góp lễ, góp giỗ tùy tâm. Đối với N vụ chăm sóc

các phần mộ là chung của toàn thể con cháu nhưng thực tế từ trước đến nay do ông C thực hiện là chủ yếu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không nhất trí vì các phần mộ đã có từ lâu trên cơ sở khuôn viên đã hình thành từ trước khi ông K được giao đất. Việc đặt mộ bố mẹ ông ở trên đất là do từ năm 1987, ông C C K thửa đất đã được mẹ vợ cho nên gia đình mới bàn bạc thống nhất chuyển mộ các cụ về đặt trên thửa đất, sau này là đặt mộ bố mẹ ông. Ông đề nghị Tòa án cho ông C thanh toán tiền cho ông K còn việc ông K đề nghị di dời mộ là điều quá đáng vì ông K đã đổi, bán gần hết diện tích của thửa đất này cho 03 hộ khác để xây dựng khu mộ gia đình như của gia đình ông.

Ông C tự nguyện chịu trách nhiệm thanh toán tiền cho ông K hay các khoản án phí, chi phí tố tụng, ông cũng như những người liên quan khác đồng ý, không có ý kiến gì. T hợp Tòa án chấp nhận để ông C sử dụng phần đất 104,2m^2 đã xây tường bao quanh thì ông đề nghị ông C phải tự có trách nhiệm thanh toán tiền cho ông K chứ các ông, bà không liên quan đến việc thanh toán tiền, cũng không có quyền đứng tên các phần đất mà các ông, bà chỉ liên quan đến ngôi mộ.

Ủy ban nhân dân huyện P do ông Nguyễn Tiến S là đại diện theo ủy quyền trình bày: Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K: Năm 1996 ông K kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 503 khi trên đất đã có 02 ngôi mộ của cụ L và cụ Q đặt từ năm 1987 mà hai hộ không có thỏa T ận về việc chuyển mộ đi nơi khác, về nguyên tắc là không đúng quy định. Tuy nhiên do UBND xã P không báo cáo nên UBND huyện không nắm được. Thực tế ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn ông C cho rằng được mẹ vợ cho đất để khai hoang nhưng ông C không kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, ông C thừa nhận có đến hỏi ông K về việc mượn thêm đất để mở rộng khu N trang gia đình, ông K đồng ý nên ông C đặt thêm 03 ngôi mộ của gia đình ông trên đất. Do vậy UBND huyện P đề nghị hai hộ thỏa T ận để thanh toán bằng tiền là phù hợp.

Đối với diện tích của ông K tăng hơn 100m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất tăng thêm vẫn T ộc quản lý của chính quyền địa phương. Đề nghị Tòa án chỉ xem xét phần diện tích đất tranh chấp có T ộc quyền sử dụng của ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không để giải quyết vụ án, còn diện tích đất thừa đề nghị không giải quyết. Do công việc bận ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

UBND xã P do bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với ý kiến của UBND huyện P, không trình bày gì khác và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tòa án tiến hành xem xét thA định tại chỗ xác định diện tích của thửa đất 503 tăng lên so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nhưng phần diện tích đất tranh chấp nằm hoàn toàn trong thửa 503. Trên thửa đất này hiện nay có 04 khu mộ gia đình nằm liền kề, nối tiếp nhau được xây tường rào bao quanh thành khuôn viên riêng, bên trong có nhiều mộ (trong đó có khu mộ của gia đình ông C).

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự đã tiến hành định giá đất và vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp theo giá thị T tại thời điểm tranh chấp. Theo đó diện tích 104,2m^2 đất ĐMĐ T ộc thửa 503, tờ bản đồ số 01 có giá thị T là 17.401.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm linh một nghìn đồng). Các đương sự đã được Tòa án thông báo K quả định giá nhưng đều không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thA số: 08/2022/DS- ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 163, 164, 166 của Bộ dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T , miễn, giảm, T , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết K về việc buộc ông Phạm Văn C phải di dời 03 ngôi mộ, 01 cây hương, toàn bộ tường rào bao quanh có diện tích 104,2m^2. Buộc ông Phạm Văn C phải thanh toán cho ông Nguyễn Viết K số tiền tương ứng với diện tích 104,2m^2 là 17.401.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm linh một nghìn đồng).

Giao cho ông Phạm Văn C quản lý và sử dụng diện tích 104,2m^2 đất ĐMĐ tại thửa số 503, tờ bản đồ số 14 đã được Uỷ ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Viết K năm 1996 (Trên đất có 05 phần mộ, 01 cây hương và tường rào bao quanh của dòng họ nhà ông C). Ông C có quyền đến có quan nhà nước có thA quyền để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 15/8/2022 ông Nguyễn Viết K- Là nguyên đơn có đơn kháng cáo không đồng ý với toàn bộ quyết định của Bản án dân sự sơ thA và đề nghị Tòa án cấp phúc thA buộc bị đơn phải di dời các ngôi mộ, cây hương, tường bao để trả lại đất cho ông, bồi thường hoa lợi mà ông bị thất T do bị đơn lấn chiếm đất.

Tại phiên toà phúc thA ông Nguyễn Viết K và ông Phạm Văn C, ông Phạm Đức S đã thoả T ận được với nhau về giải quyết vụ án, cụ thể: Gia đình ông C, ông S đã thanh toán cho ông K 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) giá trị thửa đất hiện nay đang tranh chấp. Hai bên thỏa T ận, ông C thanh toán 7.000.000đ tiền tạm ứng chi phí

tố tụng cho ông K do trước đó ông K đã tạm ứng tiền chi phí tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu quan điểm:

Về tố tụng ThA phán,Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P đề nghị Hội đồng xét xử phúc thA: Các đương sự thỏa T ận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án, việc thỏa T ận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái Đ đức xã hội, đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thA, công nhận sự thoả T ận của các đương về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thA tra tại phiên tòa; Căn cứ K quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: ông Nguyễn Viết K kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thA số: 08/2022/DS- ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P, kháng cáo ông K là hợp lệ, trong hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thA.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Xét thấy tại phiên toà phúc thA ông Nguyễn Viết K và ông Phạm Văn C, ông Phạm Đức S đã thoả T ận được với nhau về giải quyết vụ án. Gia đình ông C, ông S thanh toán cho ông K 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) giá trị thửa đất hiện nay đang tranh chấp (104,2m2) và 7.000.000đ là số tiền ông Nguyễn Viết K đã tạm ứng chi phí tố tụng theo bản án sơ thA đã tuyên. Tổng cộng là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng chẵn).Ông Nguyễn Viết K đã nhận đủ số tiền nêu trên (*có giấy biên nhận lưu trong hồ sơ vụ án*). Giao cho ông C quản lý và sử dụng diện tích 104,2m^2 đất ĐMĐ tại thửa số 503, tờ bản đồ số 14 đã được Uỷ ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Viết K năm 1996 (Trên đất có 05 phần mộ, 01 cây hương và tường rào bao quanh của dòng họ nhà ông C). Ông C có quyền đến có quan nhà nước có thA quyền để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.Hai bên tự nguyện không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái Đ đức xã hội và C K thực hiện theo đúng thoả T ận, bên nào thực hiện không đúng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hai bên C K không khiếu nại, khiếu kiện gì. Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thA công nhận sự thoả T ận của các đương sự tại phiên toà phúc thA.

[2].Về án phí dân sự phúc thA: Ông Nguyễn Viết K là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Sửa Bản án Dân sự sơ thA số 08/2022/DS- ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

1. Công nhận sự thoả T ận của các đương sự tại phiên toà phúc thA: Ông Phạm Văn C thanh toán cho ông Nguyễn Viết K số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) là tiền giá trị thửa đất tranh chấp và 7.000.000đ tiền tạm ứng chi phí thA định. Giao cho ông Phạm Văn C quản lý và sử dụng diện tích diện tích 104,2m^2 đất ĐMĐ tại thửa số 503, tờ bản đồ số 14 đã được Uỷ ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Viết K năm 1996 (Trên đất có 05 phần mộ, 01 cây hương và tường rào bao quanh của dòng họ nhà ông C). Ông C có quyền đến cơ quan nhà nước có thA quyền để đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Xác nhận ông Phạm Văn C, ông Phạm Đức S đã thanh toán cho ông Nguyễn Viết K với tổng số tiền là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng) (*có giấy biên nhận*).

2. Về án phí dân sự phúc thA: Ông Nguyễn Viết K được miễn án phí phúc thA theo quy định.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thA không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thA có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh P;
- TAND H. P;
- Chi cục THADS H.P;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THA
THA PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị T Huyền